

Bản án số: **21/2019/DS-ST**

Ngày: 06/11/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Đình Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; bà Hoàng Thị O, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn XT, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Có mặt)

**/ Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn TB, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O ngày 15/5/2019 và lời trình bày tại phiên tòa: Vào Ngày 22/6/2018, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có vay của ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị O số tiền 188.000.000 đồng để mua rẫy cà phê, thời hạn vay 06 tháng. Khi vay các bên có lập giấy vay tiền và thỏa thuận trong thời hạn vay thì không tính lãi suất, còn quá thời hạn vay thì có thỏa thuận lãi suất với nhau là 10% trên tổng số tiền. Đến hạn, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L không trả nợ cho ông T, bà O như thỏa thuận. Nay ông T, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà L phải trả số tiền 188.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 12%/năm kể từ ngày 23/12/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử ngày 06/11/2019 với số tiền lãi là 19.614.000 đồng. Còn sau khi thi hành án thì tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Theo lời khai của bị đơn, ông Nguyễn Văn H trong quá trình tố tụng trình bày: Vào ngày 22/6/2018 thì gia đình ông có vay của ông T, bà O số tiền 188.000.000 đồng để mua rẫy. Khi vay ông, bà hẹn đến ngày 22/12/2018 thì sẽ trả số tiền đã vay cho ông T, bà O. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán do điều kiện khó khăn nên gia đình ông chưa trả được số tiền đã vay. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà O thì ông đồng ý trả số tiền 188.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng bà Nguyễn Thị L vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt các văn bản của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị L cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án (ông H có mặt làm việc tại Tòa án 01 lần). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà O có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn tài sản của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L để đảm bảo cho việc thi hành án đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 19, diện tích 3280 m² được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 351450 ngày 09/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L đất tại: xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 23/10/2019, Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2019/QĐ-BPKCTT với nội dung “*Cấm thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cầm cố đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 19, diện tích 3280 m² được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 351450 ngày 09/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L đất tại: xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông*”.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn Tuyên và bà Hoàng Thị Oanh yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền là: 207.614.000 đồng; trong đó tiền gốc là 188.000.000 đồng; tiền lãi 19.614.000 đồng, cụ thể như sau: Lãi suất từ ngày 23/12/2018 đến ngày 06/11/2019 là: 188.000.000 đồng x 10 tháng 13 ngày x 1%/1 tháng = 19.614.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112; Điều 114; Điều 144; Điều 147; Điều 227 và

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O số tiền gốc là 188.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định.

- Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trong hạn nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TB, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ bị đơn cũng không tham gia các buổi làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của bị đơn đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của BLTTDS, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và theo điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị O yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc là 188.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H thừa nhận vào ngày 22/6/2018 thì ông, bà có vay số tiền 188.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị O. Giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị O và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L là giấy viết tay và được ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L ký tên trong giấy vay là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 92

của BLTTDS, Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

- Xét yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O yêu cầu tính lãi suất trên số tiền ông H, bà L chậm thanh toán với lãi suất 12%/1 năm. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của ông, bà phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng cụ thể: từ ngày 23/12/2018 đến ngày 06/11/2019 là: 188.000.000 đồng x 10 tháng 13 ngày x 1%/1 tháng = 19.614.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 207.614.000 đồng; trong đó tiền gốc là 188.000.000 đồng; tiền lãi 19.614.000 đồng.

[3] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil. Hội đồng xét xử nhận thấy, phía bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn nên cần giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho thủ tục thi hành án.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là 10.380.700 đồng. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.108.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112; Điều 114; Điều 144; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị O đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O số tiền 207.614.000đ (*Hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*); trong đó tiền gốc là 188.000.000đ (*Một trăm tám mươi tám*

triệu đồng), tiền lãi là 19.614.000đ (Mười chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 34/2019/QĐ-ADBPCTT ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 10.380.700đ (Mười triệu ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.108.000đ (Năm triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001708 ngày 09/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSD huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh